

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn

Bà Nguyễn Kim Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Cao Văn Đ (Cao Thanh Đ), sinh năm 1980 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982.

Cùng trú tại: Ấp G, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Cao Văn Đ trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lớn tiếng cự cãi nhau và không thể

sống đoàn tụ gia đình được, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2013 đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn mang lại hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị L. Trong quá trình chung sống ông và bà L có hai người con chung tên Cao Nhựt A, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2002 và Cao Thái A1, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2008, con chung do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 25 tháng 7 năm 2019 bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông Cao Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông Đ yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn với ông Cao Văn Đ. Về con chung: Có hai người con chung tên Cao Nhựt A, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2002 và Cao Thái A1, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2008, con chung do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Cao Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị L, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị L là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Văn Đ và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông Đ và bà L không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Cao Văn Đ và bà Nguyễn Thị L.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông Đ và bà L có hai người con chung tên Cao Nhựt A, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2002 và Cao Thái A1, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2008, con chung do bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 25 tháng 7 năm 2019 bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, tại phiên tòa ông Đ đồng ý giao hai người con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa ông Đ và bà L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù

hợp với nguyện vọng của các người con chung thể hiện tại các Bản tự khai ngày 20 tháng 7 năm 2019 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông Đ và bà L, giao 02 người con chung tên Cao Nhựt A, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2002 và Cao Thái A1, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2008 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung ông Đ và bà L không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Đ phải chịu 300.000đ, ông Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Cao Văn Đ (Cao Thanh Đ) và bà Nguyễn Thị L.

- Về quyền nuôi con chung: Giao hai người con chung tên Cao Nhựt A, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2002 và Cao Thái A1, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2008 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Ông Cao Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019327 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, ông Cao Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều